TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUYÊN HOÁ** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc "ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn 1 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình "có mặt"

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 4 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2020, bản tự khai ngày 06/7/2020 và tại phiên tòa chị Mai Thị N trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 01/3/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình, việc kết hôn do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn 4 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì bất đồng quan điểm, hai người không hợp tính nhau, không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được nên đến cuối năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân hai người không quan tâm, không liên lạc với nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn.

Về con chung của vợ chồng: Hai người có một con chung tên là Hoàng Phúc T, sinh ngày 20/3/2018 hiện tại con đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị N thừa nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã thụ lý vụ án theo yêu cầu của chị Mai Thị N và triệu tập hai bên đương sự đến tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình để giải quyết nhiều lần, nhưng chỉ có mặt chị N còn anh Hoàng Văn T vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo địa chỉ mà chị N cung cấp nơi đang ký hộ khẩu thường trú của anh T, ngày 30/7/2020 Tòa án đã phối hợp với địa phương trực tiếp xác minh tại nhà của ông Hoàng Đình T là bố đẻ của anh T. Ông T cho biết anh Hoàng Văn T là con trai của ông, anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn 4 T, xã T, huyện T. Hiện nay anh T đang đi làm ăn ở miền nam, địa chỉ cụ thể ở đâu ông không biết. Thời điểm Tòa án gửi các thông báo và giấy triệu tập đối với anh T đến Tòa án để làm việc thì T đang ở nhà và đã trực tiếp nhận được các giấy tờ đó nhưng vì bận công việc cá nhân nên anh T không đến Tòa án. Sau khi T đi làm ăn ở miền nam thì gia đình cũng đã gọi điện thoại thông báo cho T biết việc Tòa án triệu tập để giải quyết việc ly hôn với chị Mai Thị N nhưng vì ở xa và không thể sắp xếp được thời gian nên anh T không về để tham dự phiên tòa được.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án của Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo các quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đảm bảo quyền lợi của đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, xử vắng mặt anh Hoàng Văn T. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị N, xử cho chị Mai Thị N ly hôn anh Hoàng Văn T; Về con chung của vợ chồng, áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình giao con Hoàng Phúc T cho chị Mai Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định. Về án phí, chị Mai Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Hoàng Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Mai Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hoàng Văn T, đây là tranh chấp về ly hôn. Hiện tại anh Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn 4 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt nhiều lần không rõ lý do nên Tòa án không tiến hành hòa

giải được, tại phiên tòa hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T.

[2] Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tình cảm vợ chồng: Chị Mai Thị N và anh Hoàng Văn T tìm hiểu, kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Mai Thị N xin ly hôn với anh Hoàng Văn T vì bất đồng quan điểm, hai người không hợp tính nhau, không tin tưởng nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn T không có mặt tại Tòa án, không còn quan tâm đến vợ con. Vì vậy việc chị N làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T là có cơ sở nên cần căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Mai Thị N ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về nuôi con chung của vợ chồng: Hiện tại con chung của vợ chồng đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đang ở cùng với chị N, sau khi ly hôn chị Mai Thị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Vì vậy, cần căn cứ các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình để giao cháu Hoàng Phúc T, sinh ngày 20/3/2018 cho chị Mai Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng theo yêu cầu của chị N là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị Mai Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Mai Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, buộc anh Hoàng Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử vắng mặt anh Hoàng Văn T.

1. Về tình cảm vợ chồng: Xử cho chị Mai Thị N ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về nuôi con chung của vợ chồng: Xử giao cháu Hoàng Phúc T, sinh ngày 20/3/2018 cho chị Mai Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Hoàng Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003896 ngày 18/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá, nay được khấu trừ, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng.

Án xử công khai sơ thẩm các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/9/2020) đối với người có mặt hoặc kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú đôi svowis người vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu Hồ sơ - Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hữu Tình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA